

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 13-5-2024
Bản án số: 41/2024/DS-ST
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản” và “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Sáu

2. Ông Phạm Văn Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Châu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1982

Địa chỉ: số A đường T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* ông Phạm Tấn B, sinh năm 1990

Hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

Chỗ ở: Ô M07 KDC V, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Tuyết H và ông Nguyễn Thành L: bà Lê Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

(Hợp đồng ủy quyền ngày 04 tháng 12 năm 2023, ngày 26 tháng 02 năm 2024).

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2023, bản tự khai, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 26/9/2022, bà Đỗ Thị Tuyết H và ông Phạm Tấn B có ký kết giấy mượn tiền với nội dung: bà H cho ông B vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mục đích vay: kinh doanh làm ăn, lãi suất vay: do hai bên tự thỏa thuận. Ông B có trả được 02 tháng tiền lãi (tháng 10, 11/2022) tổng cộng 1.660.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ngày 11/01/2023, bà Đỗ Thị Tuyết H và ông Phạm Tấn B có ký kết giấy mượn tiền với nội dung: bà H cho ông B vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), mục đích vay: kinh doanh làm ăn, thời hạn vay vốn: từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/6/2023, lãi suất vay: do hai bên tự thỏa thuận.

Ngày 28/7/2022, bà H góp với ông B mua đất tại thôn P, xã H, huyện H, số tiền góp vốn là 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), thời hạn góp là 03 tháng từ ngày 28/7/2022 đến 28/10/2022.

Ngày 10/11/2023, bà H có liên lạc với ông B để nhắc nhở trả tiền, tuy nhiên ông B không thực hiện nghĩa vụ. Bà H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Tấn B trả số tiền nợ 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), số tiền góp vốn 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền lãi của 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 26/7/2023 đến ngày xét xử theo lãi suất 1,66%/tháng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi số tiền lãi của 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 26/7/2023 đến ngày xét xử theo lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng là 35.856.000 đồng (450.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 18 ngày = 35.856.000 đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Tấn B nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,

bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Tấn B trả số tiền nợ 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi, số tiền góp vốn 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy nguyên đơn bà Đỗ Thị Tuyết H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Phạm Tấn B phải trả số tiền nợ và số tiền lãi phát sinh, tiền góp vốn để mua đất nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Đòi lại tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Tấn B có hộ khẩu thường trú tại khu phố A, phường Đ, thành phố P và chỗ ở tại phường P, thành phố P. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Đỗ Thị Tuyết H yêu cầu ông Phạm Tấn B phải trả số tiền nợ 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cung cấp bản chính Hợp đồng cho vay tiền ngày 11/01/2023, nội dung hợp đồng như sau: Bà Đỗ Thị Tuyết H đồng ý cho ông Phạm Tấn B vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/6/2023, có chữ ký tên và ghi tên “*Phạm Tấn B*”.

Ngoài ra, nguyên đơn còn nộp bản chính Giấy nhận tiền ngày 11/01/2023, nội dung: “*Tôi tên Phạm Tấn B...Hôm nay ngày 11-1-2023 tôi có nhận đủ số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) từ bà Đỗ Thị Tuyết H*” và có ký tên, ghi tên “*Phạm Tấn B*”.

Tại Giấy nhận tiền ngày 26/9/2022 có thể hiện nội dung: “Tôi tên Phạm Tấn B có nhận đủ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của bà Đỗ Thị Tuyết H” và có ký tên, ghi tên “Phạm Tấn B”.

Hợp đồng cho vay tiền, giấy nhận tiền do hai bên tự ký kết, nội dung cho vay, thời hạn, lãi suất và phương thức vay không trái đạo đức xã hội và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận phần nội dung như trên là hợp lệ.

Ông B không có bất kỳ văn bản nào phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác để phản đối hay chứng minh có trả được khoản tiền nào hay không, điều này đồng nghĩa với việc đương sự đã từ bỏ quyền chứng minh, và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh này. Do đó, nội dung bà H khai đã giao đủ cho ông B số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và ông B chưa trả cho bà H khoản tiền nào được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông B có vay của bà H số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên hết thời hạn vay tiền như đã thỏa thuận, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Đỗ Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Tấn B trả số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Bà Đỗ Thị Tuyết H yêu cầu ông Phạm Tấn B phải trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2024 là 35.856.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày 13/5/2024. Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Nội dung Hợp đồng cho vay tiền ngày 11/01/2023, Giấy nhận tiền ngày 11/01/2023, Giấy nhận tiền ngày 26/9/2022 có thể hiện về việc trả lãi nhưng không quy định cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tính tiền lãi từ ngày 26/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2024 như sau:

$450.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 18 \text{ ngày} = 35.856.000 \text{ đồng.}$

Số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[2.3] Bà Đỗ Thị Tuyết H yêu cầu ông Phạm Tấn B phải trả số tiền bà H đã góp vốn để mua đất là 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cung cấp bản chính Hợp đồng góp vốn không ghi rõ ngày, tháng, năm, nội dung hợp đồng thể hiện bà H và ông B cùng góp vốn để nhận chuyển nhượng đất tại xã H, huyện H với giá trị 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng), mỗi bên góp 92.500.000 đồng, thời hạn góp vốn từ ngày 28/7/2022, có chữ ký tên và ghi tên “*Phạm Tấn B*”, có kèm theo Biên nhận thanh toán ngày 30/7/2022: số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), ngày 12/9/2022: số tiền 77.500.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Tại các Biên nhận thanh toán trên đều có chữ ký tên và ghi tên “*Phạm Tấn B*” dưới mục “*Người nhận tiền*”.

Sao kê tài khoản số 1024570877 của ông Phạm Tấn B tại Ngân hàng TMCP N – chi nhánh B1 thể hiện vào các ngày 30/7/2022, 12/9/2022 bà Đỗ Thị Tuyết H có chuyển tiền cho ông Phạm Tấn B số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), 77.500.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng), tổng cộng 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền trên phù hợp với nội dung ghi trong các Biên nhận thanh toán.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông B có nhận của bà H số tiền 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) và bà H yêu cầu ông B trả lại số tiền trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 262, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 357, Điều 361, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Tuyết H

Buộc ông Phạm Tấn B phải trả cho bà Đỗ Thị Tuyết H, ông Nguyễn Thành L số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh của số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 26/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2024 là 35.856.000 đồng.

Buộc ông Phạm Tấn B phải trả cho bà Đỗ Thị Tuyết H, ông Nguyễn Thành L số tiền 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng cộng 578.356.000 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

2. Về án phí: Ông Phạm Tấn B phải chịu 27.134.000 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Tuyết H, ông Nguyễn Thành L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Tuyết H số tiền tạm ứng án phí 13.570.000 đồng (mười ba triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019067 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2024). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên

